TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2026/DS-ST
Ngày: 04/5/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Minh Cảnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Lê Thị Vân**
2. Ông **Nguyễn Thanh Trung**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp

Ngày **04** tháng **5** năm **2026** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử công khai vụ án thụ lý số 421/2025/TLST-DS ngày 24/12/2025 về tranh chấp: "*Hợp đồng dịch vụ*" theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1968. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã M, tỉnh Đồng Tháp. (Trước đây là Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang)

- *Bị đơn*: Anh **Võ Văn Đ**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Phạm Công B**, sinh năm 1995. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày***:

Do quen biết nên vào năm 2025, anh Võ Văn Đ thuê ông Phạm Văn C đào hố dựng cột điện với giá là 400.000 đồng/ngày. Ông C đã thực hiện công việc như thoả thuận và hoàn thành trong thời hạn 19 ngày, tổng cộng số tiền công là 7.600.000 đồng. Nhưng khi thực hiện xong phía bị đơn anh Võ Văn Đ không trả tiền mặc dù ông C đã nhiều lần yêu cầu anh Đ trả nợ. Sau đó, ông C có đơn yêu cầu UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp giải quyết. Ngày 31/10/2025, UBND xã T đã tiến hành hòa giải thành vụ việc,

anh Đ cam kết đến ngày 28/11/2025 sẽ trả cho ông C toàn bộ số tiền nợ. Nhưng đến nay, anh Đ vẫn chưa trả tiền cho ông C.

Nay ông Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu anh Võ Văn Đ phải trả số tiền 7.600.000 đồng làm một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn anh Võ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do.

- Tại bản tự khai ngày 26/01/2026, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Công B trình bày: Trước đây, anh có cùng cha ruột ông Phạm Văn C đào hố dựng cột điện cho anh Võ Văn Đ. Anh thống nhất với ông C về việc yêu cầu anh Đ trả số tiền 7.600.000 đồng, do anh chỉ phụ cha làm việc còn về giá tiền công, giao kèo thực hiện công việc và nhận tiền công như thế nào là do ông C thỏa thuận với anh Đ. Anh B không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ" theo quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Võ Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Công B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Võ Văn Đ đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Do quen biết nên năm 2025, anh Võ Văn Đ thuê ông Phạm Văn C thực hiện công việc đào hố dựng cột điện cho anh Võ Văn Đ với giá tiền công 400.000 đồng/ngày. Ông C thực hiện xong công việc trong hạn 19 ngày với tổng cộng tiền công là 7.600.000 đồng. Nhưng bị đơn anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

Xét thấy, theo biên bản hòa giải ngày 31/10/2025 của UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp thể hiện ý kiến của anh Võ Văn Đ như sau: "*...Tôi đồng ý trả số tiền 7.600.000 đồng vào ngày 28/11/2025 và tiến hành trả một lần tại UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp...*". Tại văn bản số 1101/UBND-VP của UBND xã T ngày 09/12/2025 về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn C, phía anh Đ hẹn trả tiền cho ông C vào ngày 28/11/2025 nhưng anh Đ không thực hiện. Ngày 04/12/2025, Tổ hòa giải mời anh Đ đến trả tiền nhưng anh Đ không đến và hẹn lại tuần sau. Ngày 08/12/2025, UBND xã mời anh Đ

đến thực hiện theo nội dung biên bản hòa giải thành ngày 31/10/2025 nhưng anh Đ không đến và tiếp tục hẹn lại (thông qua điện thoại) mà không nói rõ thời gian cụ thể. Kết quả đơn yêu cầu hòa giải về việc trả tiền công của ông Phạm Văn C là không thành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Công B xác định anh B có cùng cha ruột ông Phạm Văn C đào hố dựng cột điện cho anh Võ Văn Đ, anh chỉ phụ cha làm việc còn về giá tiền công, giao kèo thực hiện công việc và nhận tiền công như thế nào là do ông C thỏa thuận với anh Đ. Anh thống nhất với ông C về việc yêu cầu anh Đ trả số tiền 7.600.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

[2.2] Bị đơn anh Võ Văn Đ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần hòa giải, xét xử nhưng cố tình vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật quy định. Anh Võ Văn Đ thừa nhận còn nợ ông Phạm Văn C số tiền 7.600.000 đồng và đồng ý trả số tiền 7.600.000 đồng cho ông C theo nội dung biên bản hòa giải ngày 31/10/2025 của UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp và Văn bản số 1101/UBND-VP của UBND xã T ngày 09/12/2025 về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn C nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C đã thực hiện xong công việc theo thỏa thuận với anh Đ, nhưng anh Đ không trả tiền công cho ông C là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông C. Do đó, ông Phạm Văn C yêu cầu anh Võ Văn Đ trả số tiền công 7.600.000 đồng là có căn cứ, phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn anh Võ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 513, Điều 514, khoản 2 Điều 515, khoản 3 Điều 518, và khoản 1 Điều 519 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

1. Buộc anh Võ Văn Đ phải trả cho ông Phạm Văn C số tiền 7.600.000 (Bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu anh Võ Văn Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh Võ Văn Đ phải chịu 380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho ông Phạm Văn C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010814 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Cảnh